

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 109/2019/DS-PT.

Ngày 09/10/2019.

“V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Xuân Lộc

Các Thẩm phán: Ông Đặng Văn Quyết

Bà Trần Thị Hà

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Hương Mai - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang:** Ông Đặng Văn Thìn - Kiểm sát viên, tham gia phiên tòa.

Trong ngày 09/10/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công Kh vụ án thụ lý số: 137/2019/TLPT- DS ngày 23/8/2019 về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 19/2019/DS-ST ngày 15/7/2019 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Giang có kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 153/2019/QĐ-PT ngày 27/9/2019, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Đinh Triệu L, sinh năm 1970 (có mặt)

Địa chỉ: Phố T, thị trấn N, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

- **Bị đơn:** Ông Nguyễn Văn Kh, sinh năm 1958 (có mặt)

Địa chỉ: Bản Tr, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Bà Tô Thị Đ, sinh năm 1960 (có mặt)

Địa chỉ: Bản Tr, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

- Bà Phạm Thị L, sinh năm 1976.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Phạm Thị L: Ông Đinh Triệu L, sinh năm 1970 (có mặt)

Đều địa chỉ: Phố T, thị trấn N, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

Do có kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn Kh và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các lời khai có trong hồ sơ vụ án ông Đinh Triệu L trình bày:

Do quan hệ quen biết nên ông có cho ông Nguyễn Văn Kh vay tiền để làm ăn kinh tế. Cụ thể, ngày 26/5/2017 ông cho ông Kh vay số tiền 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng), mục đích vay phát triển kinh tế, thời hạn vay 90 ngày, lãi suất thỏa thuận miệng 2.000 đồng/1 triệu/1 ngày. Khi vay các bên có lập giấy biên nhận vay tiền và ông Kh là người ký vào mục người vay. Đến ngày 25/7/2017 ông lại tiếp tục cho ông Kh vay số tiền 35.000.000 đồng (Ba mươi lăm triệu đồng), mục đích vay phát triển kinh tế, thời hạn vay 10 ngày, lãi suất thỏa thuận miệng 2.000 đồng/1 triệu/1 ngày. Ông đã đòi nợ nhiều lần nhưng ông Kh chưa trả cho ông đồng gốc và lãi nào. Nay ông yêu cầu ông Nguyễn Văn Kh và bà Tô Thị Đ phải liên đới trả cho ông số tiền gốc còn nợ là 60.000.000 đồng và tiền lãi là 0.75%/tháng tính từ ngày vay cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số nợ.

Tại bản tự khai, các lời khai khác có trong hồ sơ vụ án ông Nguyễn Văn Kh trình bày:

Ông và ông Đinh Triệu L có mối quan hệ quen biết. Ông thừa nhận ngày 26/5/2017 ông có vay của ông Đinh Triệu L số tiền 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng), mục đích vay để chăn nuôi phát triển kinh tế gia đình, thời gian vay 90 ngày, lãi suất thỏa thuận miệng là 2.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày. Do chăn nuôi thua lỗ nên ông chưa trả được gốc và lãi. Nay ông L khởi kiện yêu cầu trả gốc và lãi 0,75%/tháng tính từ ngày vay đến khi trả xong toàn bộ nợ thì ông đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông L.

Đối với khoản vay 35.000.000 đồng theo giấy biên nhận vay tiền đề ngày 25/7/2017 ông L xuất trình cho Tòa án là không đúng, ông không được vay số tiền này của ông L, không được ký giấy vay tiền nên ông không đồng ý trả số tiền trên cho ông L.

** Tại bản khai, các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, bà Tô Thị Đ trình bày:* Bà là vợ của ông Nguyễn Văn Kh. Bà nhất trí với quan điểm của ông Kh đã trình bày. Đối với khoản vay ngày 26/5/2017 bà đồng ý cùng ông Kh trả cho ông L số tiền gốc 25.000.000 đồng và lãi suất phát sinh 0,75%/tháng tính từ ngày vay cho đến khi trả hết nợ. Đối với khoản vay 35.000.000 đồng ngày 25/7/2017 ông L trình bày thì bà không đồng ý trả, bà không được biết, không được vay và sử dụng số tiền trên.

Với nội dung nêu trên, bản án dân sự sơ thẩm số: 19/2019/DS-ST ngày 15/7/2019 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Giang đã quyết định:

Căn cứ vào quy định tại khoản 3 Điều 26, Điểm a khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39; Khoản 2 Điều 228, Điều 271; Điều 273; Điều 147, Điều 161 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 463; Điều 466; Điều 468; Điều 357 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Về nghĩa vụ trả nợ:

- Công nhận sự thỏa thuận giữa ông Đinh Triệu L và ông Nguyễn Văn Kh, bà Tô Thị Đ: Ông Nguyễn Văn Kh và bà Tô Thị Đ có trách nhiệm trả cho ông Đinh Triệu L và bà Phạm Thị L số tiền gốc là 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu

đồng) và tiền lãi phát sinh tính từ ngày 26-5-2017 đến ngày 15-7-2019 là 4.806.000 đồng (bốn triệu tám trăm linh sáu nghìn đồng), tổng cộng cả gốc và lãi là 29.806.000 đồng (Hai mươi chín triệu tám trăm linh sáu nghìn đồng).

- Buộc ông Nguyễn Văn Kh và bà Tô Thị Đ phải trả cho ông Đinh Triệu L và bà Phạm Thị L số tiền gốc là 35.000.000 đồng (Ba mươi lăm triệu đồng) và tiền lãi phát sinh tính từ ngày 25-7-2017 đến ngày 15-7-2019 là 6.212.500 đồng (Sáu triệu hai trăm mười hai nghìn năm trăm đồng), tổng cộng cả gốc và lãi là 41.212.500 đồng (Bốn mươi một triệu hai trăm mười hai nghìn năm trăm đồng).

Kể từ ngày 16-7-2019, bên thi hành án còn phải chịu khoản lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

2. Về chi phí tố tụng: Ông Nguyễn Văn Kh phải chịu 4.050.000 đồng (Bốn triệu không trăm năm mươi nghìn đồng) tiền chi phí giám định chữ ký, chữ viết. Xác nhận ông Kh đã nộp đủ số tiền trên.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

Ngày 29/7/2019, ông Nguyễn Văn Kh là bị đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 19/2019/DS-ST ngày 15/7/2019 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

Ngày 08/8/2019, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang có Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 16/QĐKNPT – VKS – DS đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm, xử sửa bản án dân sự số 19/2019/DS – ST ngày 15/7/2019 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Giang về phần giải quyết án phí theo hướng miễn án phí cho ông Kh.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông Đinh Triệu L là nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, ông Nguyễn Văn Kh là bị đơn kháng cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo về việc không đồng ý trả ông L 35.000.000đ vì không được vay; các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định kháng nghị phúc thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đối với các đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308, khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang về việc miễn án phí cho ông Kh, hoàn trả ông Kh số tiền đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm; chấp nhận một phần kháng cáo của ông Kh về miễn án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến tranh luận tại phiên tòa. Sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét kháng cáo của ông Nguyễn Văn Kh về việc không đồng ý trả ông Đinh Triệu L số tiền 35.000.000đ vì ông không được vay, hội đồng xét xử xét

thấy: Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào giấy biên nhận ngày 25/7/2017 với số tiền 35.000.000đ có chữ ký của ông Kh, nhưng ông Kh không thừa nhận khoản vay này. Tại kết luận giám định số 873/KL-PC09 ngày 24/5/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Bắc Giang đã kết luận: Chữ ký, chữ viết “Nguyễn Văn Kh” dưới mục “người vay tiền” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký, chữ viết của Nguyễn Văn Kh trên các tài liệu mẫu ký hiệu M1, M2, M3 do cùng một người ký, viết ra. Trong giấy biên nhận ngày 25/7/2017 có ghi mục đích vay tiền để phát triển kinh tế gia đình. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã buộc ông Kh và bà Đ vợ ông Kh phải trả vợ chồng ông L 35.000.000đ là có căn cứ. Tại cấp phúc thẩm ông Kh là người kháng cáo không xuất trình thêm được tài liệu chứng cứ gì mới, nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của ông Kh.

[2] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang: Tòa án cấp sơ thẩm đã giải quyết buộc ông Kh, bà Đ phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông L, bà L số tiền gốc và lãi là 71.018.500đ. Ông Kh sinh năm 1958, tính đến ngày Tòa án cấp sơ thẩm xét xử vụ án (ngày 15/7/2017) ông Kh đã trên 60 tuổi, theo quy định tại Điều 2 Luật Người cao tuổi thì ông Kh là người cao tuổi. Theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì người cao tuổi được miễn án phí. Tòa án cấp sơ thẩm không miễn án phí sơ thẩm cho ông Kh, mà lại buộc ông Kh phải chịu 1.775.000đ án phí dân sự sơ thẩm là không đúng pháp luật. Mặt khác, Tòa án cấp sơ thẩm yêu cầu ông Kh phải nộp 300.000đ tạm ứng án phí phúc thẩm là không đúng quy định của pháp luật như đã nêu trên. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm cần được rút kinh nghiệm sâu sắc. Số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm ông Kh đã nộp được trả lại cho ông Kh. Từ sự phân tích nêu trên, cần chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang và một phần kháng cáo của ông Kh để sửa án sơ thẩm về phần giải quyết về án phí.

[3] Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự

Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang; Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Nguyễn Văn Kh. Sửa một phần án sơ thẩm về phần giải quyết về án phí đối với ông Nguyễn Văn Kh

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 228; Điều 147; Điều 148; Điều 161 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 463; Điều 466; Điều 468; Điều 357 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử:

1. Công nhận sự thỏa thuận giữa ông Đinh Triệu L và ông Nguyễn Văn Kh, bà Tô Thị Đ: Ông Nguyễn Văn Kh và bà Tô Thị Đ có trách nhiệm trả cho ông Đinh Triệu L và bà Phạm Thị L số tiền gốc là 25.000.000 đồng và tiền lãi phát

sinh tính từ ngày 26-5-2017 đến ngày 15-7-2019 là 4.806.000 đồng, tổng cộng là 29.806.000 đồng (Hai mươi chín triệu tám trăm linh sáu nghìn đồng).

2. Buộc ông Nguyễn Văn Kh và bà Tô Thị Đ phải trả cho ông Đinh Triệu L và bà Phạm Thị L số tiền gốc là 35.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh tính từ ngày 25-7-2017 đến ngày 15-7-2019 là 6.212.500 đồng, tổng cộng là 41.212.500 đồng (Bốn mươi một triệu hai trăm mười hai nghìn năm trăm đồng).

3. Về án phí: Hoàn trả ông Đinh Triệu L số tiền 1.750.000đ tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai số AA/2016/0002190 ngày 19/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y. Miễn nộp tiền án phí sơ thẩm cho ông Nguyễn Văn Kh và bà Tô Thị Đ.

Hoàn trả ông Nguyễn Văn Kh số tiền 300.000đ đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai số AA/2014/0004485 ngày 31/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y.

4. Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
đã ký

đã ký

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
đã ký

Đặng Văn Quyết

Trần Thị Hà

Lương Xuân Lộc